

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 06-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Nam

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Bà Phạm Thị Lệ Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung là thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức-tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/HSST, ngày 02 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN NGỌC T, sinh ngày 06 tháng 08 năm 1993 tại phường NC, thành phố QN, tỉnh QN. Nơi cư trú: tổ 17, phường NC, thành phố QN, tỉnh QN; nghề nghiệp : không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; con ông: Nguyễn Đức T, sinh năm 1948 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; vợ, con: chưa có; tiền án: Ngày 24/01/2013 bị TAND tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Ngày 26/01/2015 bị TAND tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS (chưa được xóa án tích); tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ lớn lên sống cùng cha mẹ ở tổ 17, phường NC, thành phố QN, học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình; năm 2013 và năm 2015 bị xử phạt 02 lần về tội “Trộm cắp tài sản” (đã tái phạm, chưa được xóa án tích). Ngày 18/7/2017 cùng với đối tượng Nguyễn Vũ L mua bán trái phép ma túy, Phòng PC47 Công an tỉnh Quảng Ngãi bắt quả tang; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2017 cho đến nay. Bị cáo Nguyễn Ngọc T có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN VŨ L (tên gọi khác: L cá lóc) , sinh ngày 19 tháng 04 năm 1989 tại phường NN, thành phố QN, tỉnh QN. Nơi cư trú: tổ 12, phường NN, thành phố QN, tỉnh QN; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; con ông: Phạm Văn D, sinh năm 1960 và bà: Nguyễn Thị S, sinh năm 1968. vợ, con: chưa có; tiền án: Ngày 16/01/2013 bị TAND thành phố Quảng Ngãi xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS . Ngày 26/01/2015 bị TAND tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS (chưa được xóa án tích); tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ lớn lên sống cùng cha mẹ ở tổ 12, phường NN, thành phố QN, học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình; năm 2013 và năm 2015 bị xử phạt 02 lần về tội “Trộm cắp tài sản” (đã tái phạm, chưa được xóa án tích). Ngày 18/7/2017 cùng với đối tượng Nguyễn Ngọc T mua bán trái phép ma túy, Phòng PC47 Công an tỉnh Quảng Ngãi bắt quả tang bị tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2017 cho đến nay. Bị cáo Nguyễn Vũ L có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Huỳnh Ngọc Á Luật sư, văn phòng luật sư Q&A thuộc đoàn luật sư tỉnh QN bào chữa cho Nguyễn Ngọc T (có mặt).

Địa chỉ: số 301 đường THĐ, thành phố QN, tỉnh QN.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Phạm Thanh N, sinh năm 1990 (vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: tổ 16, phường NC, thành phố QN, tỉnh QN.

+ Nguyễn Đức T1, sinh năm 1948 (có mặt);

Nơi cư trú: tổ 17, phường NC, thành phố QN, tỉnh QN.

+ Phạm Văn D1, sinh năm 1960 (có mặt);

Nơi cư trú: tổ 12, phường NN, thành phố QN, tỉnh QN.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Trần Quang Q, sinh năm 1968 (có mặt);

+ Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: tổ dân phố 1, thị trấn MĐ, huyện MĐ, tỉnh QN.

+ Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Nơi cư trú: tổ dân phố 2, thị trấn ĐP, huyện ĐP, tỉnh QN.

+ Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Nơi cư trú: tổ 11, phường QP, thành phố QN, tỉnh QN.

+ Nguyễn Văn D2, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 2, phường NN, thành phố QN, tỉnh QN.

+ Nguyễn Đức T2, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Nơi cư trú: tổ 17, phường NC, thành phố QN, tỉnh QN.

+ Bùi Tuấn K, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Nơi cư trú: tổ 1, phường QP, thành phố QN, tỉnh QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 06 giờ 15 phút ngày 18/7/2017 tại tổ dân phố 1, thị trấn MĐ, huyện MĐ, Phòng PC47 Công an tỉnh Quảng Ngãi bắt quả tang hai đối tượng là Nguyễn Vũ L sinh năm 1989, thường trú tại phường NN, thành phố QN, tỉnh QN và Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993, thường trú tại phường NC, thành phố QN, tỉnh QN đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, Tang vật thu giữ lúc bị bắt quả tang gồm: 01 túi nilon bên trong có chứa nhiều cục chất rắn màu trắng (thu giữ lúc bắt quả tang, L và T khai nhận là ma túy Heroine); 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa nhiều cục chất rắn màu trắng và một số tài liệu, đồ vật liên quan (thu giữ được trên người T ngày 18/7/2017).

Qua khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Nguyễn Ngọc T tại tổ 17, phường NC, thành phố QN đã thu giữ 01 đoạn ống hút màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong có chứa những hạt chất rắn màu trắng, T khai nhận là ma túy (Heroine). Khám xét nơi ở của Nguyễn Vũ L tại tổ 12, phường NN, thành phố QN đã thu giữ 01 lưỡi dao lam đã qua sử dụng, 01 ống nước cất pha tiêm 0,5 ml chưa sử dụng, 01 đoạn ống hút nước màu trắng dài khoảng 05 cm.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Ngọc T khai nhận: từ trước đến ngày bị bắt, hai bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy (kể cả lần bắt quả tang), cụ thể:

+ Lần 1: Vào cuối tháng 6/2017, bị cáo L vừa hoàn thành thời gian cai nghiện ở Trung tâm cai nghiện Tiêu Vĩnh N ở xã ST, huyện TB, tỉnh ĐN thì L điện thoại cho Nguyễn Ngọc T và nói là “tao vừa mới cai nghiện ma túy xong, chuẩn bị về QN” với mục đích rủ T gởi tiền vào mua ma túy về sử dụng. T nghe vậy nên chuyển cho L 12.000.000đ để mua ma túy qua phòng vé xe khách CN ở thành phố QN. Sau đó, T đưa cho L số điện thoại của người phụ nữ tên O ở thành phố HCM để L gọi điện thoại và mua ma túy. Sau khi L nhận được tiền của T chuyển tại phòng vé xe khách tại bến xe miền Đông thì L đã điện thoại và hẹn bà O ở bến xe miền Đông, đưa cho bà O 12.000.000đ và lấy ma túy.

+ Lần 2: Vào ngày 07/7/2017, L điện thoại cho T và nói “hết ma túy rồi, chuẩn bị đưa tao 6.500.000đ để tao gửi vào thành phố HCM mua ma túy”. T đồng ý và góp 6.500.000đ, L góp 6.000.000đ, tổng cộng được 12.500.000đ. L là người trực tiếp chuyển số tiền này cho bà Nguyễn Thị Kiều O qua cửa hàng Viettel tại chi nhánh 141A, NN, thành phố QN để mua ma túy. Bà O nhận tiền và chuyển ma túy qua xe khách CN. Sáng ngày 08/7/2017 nhân viên xe CN có điện thoại cho L nhận hàng. Do bận nên L có điện thoại lại nói nhân viên xe CN cứ gửi tại phòng vé của xe CNLS thuộc ngã ba QL, huyện MĐ. L điện thoại cho T và T cưỡi xe đến chở L vào ngã ba QL nhận hàng (ma túy).

Số lượng tổng cộng mỗi lần mua ma túy nêu trên của hai bị cáo là 03 chỉ ma túy (Heroine). Sau khi nhận ma túy thì hai bị cáo đến nơi vắng ở thành phố QN đoạn ngoài NB cùng nhau sử dụng một ít, còn lại chia đôi, mỗi người nhận một nửa đem

về sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn QN. Hai bị cáo khai nhận đã phân ma túy (Heroine) thành từng tép nhỏ và mỗi tép đều làm bằng ống hút nhựa được hàn kín hai đầu và bên trong có chứa ma túy loại Heroine. Nguyễn Vũ L bán ma túy (Heroine) cho Nguyễn Văn D2; Lê Đức Văn T cùng ở phường NN; Nguyễn Đức T2 ở phường NC. Nguyễn Ngọc T bán ma túy (Heroine) cho Bùi Tấn K (C) ở phường QP; Đ (không rõ địa chỉ); Nguyễn Hoàng C ở ĐP, cụ thể:

- Lần 1: L bán được 20 tép (không nhớ rõ cụ thể số ma túy bán cho các đối tượng nghiện nêu trên), thành tiền là 6.000.000đ (mỗi tép bán được 300.000đ), số ma túy còn lại L sử dụng hết.

T bán được 10 tép (bán cho C 05 tép, Đ 03 tép, C 02 tép), mỗi tép bán được 300.000đ, thành tiền là 3.000.000đ, số ma túy còn lại T sử dụng hết.

- Lần 2: L bán được 13 tép (không nhớ rõ cụ thể số ma túy bán cho các đối tượng nghiện nêu trên), thành tiền là 3.900.000đ (mỗi tép bán được 300.000đ), số ma túy còn lại L sử dụng hết.

T bán được 20 tép (bán cho C 08 tép, Đ 07 tép, C 05 tép), mỗi tép bán được 300.000đ, thành tiền là 6.000.000đ, số ma túy còn lại T sử dụng hết.

Tổng số tiền thu lợi bất chính mà L bán ma túy là 9.900.000đ, T bán ma túy thu lợi bất chính là 9.000.000đ.

+ Lần 3: Lần này cũng là lần cuối và bị bắt quả tang, cụ thể: ngày 17/7/2017 T điện thoại cho L rủ góp tiền mua ma túy, L đồng ý. T góp 8.500.000đ, L góp 4.000.000đ để mua ma túy và 1.000.000đ mua thuốc dán cắt cơn cai nghiện của bà Nguyễn Thị Kiều O ở thành phố HCM. Như vậy tổng số tiền L gửi cho bà O là 13.500.000đ. Phương thức gửi tiền như lần mua ma túy ngày 07/07/2017 (gửi tiền qua cửa hàng Viettel ở 141A, phường NN, TP QN). Đến sáng ngày 18/7/2017, L nghe điện thoại của nhân viên xe khách CN nói L nhận hàng. Do L vào không kịp nên L có điện thoại cho nhân viên xe CN gửi ma túy tại phòng vé xe CN chi nhánh tại thị trấn MĐ (gần Bưu điện MĐ). T dùng xe Vision biển số 76B1-29809 chở L vào Thị trấn MĐ nhận ma túy. Khi đến nơi L vào phòng vé lấy thùng hàng trên đó có ghi tên chị T và số điện thoại của L (tên chị T do L tự đặt), T đứng ngoài đường đợi. Khi L vừa cầm thùng hàng ra thì bị Công an tỉnh Quảng Ngãi bắt quả tang.

Vật chứng nghi là chất ma túy thu được, cơ quan Điều tra Công an huyện Mộ Đức đã trưng cầu giám định. Tại Bản kết luận giám định số 754/KLGD-PC54, ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

+ *Chất bột dạng cục, màu trắng đục (thu giữ lúc bắt quả tang được niêm phong đánh dấu trong phong bì số 1) gửi giám định có trọng lượng là 10,25 gam, có Heroine; hàm lượng 77,2%; trọng lượng Heroine có trong 10,25 gam mẫu gửi giám định là 7,91 gam;*

+ *Chất bột dạng cục, màu trắng đục (thu giữ trên người T ngày 18/7/2017 được niêm phong đánh dấu trong phong bì số 2) gửi giám định có trọng lượng là*

0,137 gam, có Heroine; hàm lượng 76,4%; trọng lượng Heroine có trong 0,137 gam mẫu gửi giám định là 0,10 gam.

+ Chất bột dạng cục, màu trắng đục (thu giữ tại chỗ ở của T được niêm phong đánh dấu trên phong bì số 3) gửi giám định có trọng lượng là 0,055 gam; có Heroine, hàm lượng 76,7%; trọng lượng Heroine có trong 0,055 gam mẫu gửi giám định là 0,04 gam.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKS, ngày 01 tháng 02 năm 2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đã truy tố bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Ngọc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại các điểm b, h, p khoản 2, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 với tình tiết định khung là phạm tội nhiều lần; heroine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam và tái phạm nguy hiểm.

Tại phiên tòa kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, điểm h, điểm p khoản 02 Điều 194 điểm p khoản 01, khoản 02 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 7 năm 06 tháng tù đến 8 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T.

- Áp dụng điểm b, điểm p, điểm h, khoản 02 Điều 194, điểm p khoản 01, khoản 02 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L từ 7 năm đến 8 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Vũ L.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

+ 01 bì bằng giấy dán kín của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi gửi Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi, phía sau có dòng chữ “Mẫu vật hoàn trả sau giám định”, có 03 dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, các vật chứng trên là vật cầm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. 01 hộp cactoong trên hộp có ghi dòng chữ “chị T, bưu điện MĐ, QN 01629725183”; 01 miếng cactoong được xếp thành hình vuông dùng để dán số ma túy khi thu giữ; 01 lưỡi dao lam đã qua sử dụng; 01 ống nước cất pha tiêm 0,5 ml chưa sử dụng; 01 đoạn ống hút nước màu trắng dài khoảng 5 cm; các vật chứng trên là vật cầm lưu hành và được sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ 04 điện thoại di động, trong đó: 02 điện thoại di động của Nguyễn Vũ L (01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, model: 1202, Type : RH-112, imei:

358957/01/256920/7, 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh model: A122, , imei1: 355000115154107), 02 điện thoại di động của Nguyễn Ngọc T (01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen model: A1428, imei: 013333000881037, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen model: A1202-2, Type: RH-112, imei: 358015/03/577295/9, các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy còn giá trị sử dụng, nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ 01 xe mô tô hiệu Vision biển số 76B1-29809 màu đen do bị cáo Nguyễn Ngọc T đứng tên chủ sở hữu, bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội, nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

+ Số tiền 1.600.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T chưa có căn cứ chứng minh bị cáo sử dụng số tiền này vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo việc thi hành án.

+ Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền 9.000.000 đồng, truy thu đối với bị cáo Nguyễn Vũ L số tiền 9.900.000 đồng do các bị cáo bán ma túy mà có.

- Về dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đối với việc bị cáo Nguyễn Ngọc T có viết giấy mượn số tiền 20.000.000 đồng của anh Phạm Thanh N đã cầm cố cho anh Phạm Thanh N xe mô tô 76B1-29809 màu đen của bị cáo T để lấy số tiền trên, sau đó bị cáo thuê lại xe mô tô để mua bán trái phép chất ma túy, xe mô tô này là phương tiện phạm tội bị tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. Nay anh N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị buộc bị cáo T phải trả lại cho anh N số tiền trên.

- Đối tượng Nguyễn Văn D2, bị cáo L khai là có bán ma túy cho đối tượng D2. Qua biên bản xác minh của chính quyền địa phương ở tổ 12, phường NN, thành phố QN thì xác định đối tượng D2 là đối tượng nghiện ma túy tại địa phương. Nhưng hiện không có mặt tại địa phương nên không thể làm việc được. Đối tượng Nguyễn Đức T2, bị cáo L khai là có bán ma túy cho đối tượng T2. Qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương ở tổ 17, phường NC, thành phố QN và phường THĐ thì đối tượng này thực tế không có mặt tại địa phương, không tiến hành làm việc được. Đối tượng Lê Đức Văn T khai nhận có mua ma túy của L để sử dụng nhưng hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Quảng Ngãi về tội “trộm cắp tài sản” nên không xử lý. Đối tượng Bùi Tấn K (C), T khai là có bán ma túy cho đối tượng K. Qua biên bản xác minh của chính quyền địa phương ở phường QP, thành phố QN thì hiện Bùi Tấn K không có mặt tại địa phương nên không thể làm việc được. Đối tượng Nguyễn Hoàng C khai nhận có mua ma túy của T để sử dụng; đối tượng Nguyễn Thanh T khai nhận có mua ma túy của L để sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộ Đức phối hợp với chính quyền địa phương lập hồ sơ để theo dõi, quản lý giáo dục.

- Đối tượng tên Nguyễn Thị Kiều O ở Bến xe Miền Đông, thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình điều tra, hai bị cáo T, L đều khai báo mua ma túy của bà O, nhưng hai bị cáo không biết tên tuổi thật cũng như địa chỉ cụ thể của Nguyễn Thị

Kiều O ở đâu nên không thể triệu tập làm việc được. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộ Đức sẽ tiếp tục xác minh làm rõ nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý thành một vụ án khác theo đúng quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T trình bày: Về tội danh và khung hình phạt thì không có ý kiến gì. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Nguyễn Ngọc T có tác động gia đình nộp số tiền thu lợi bất chính 9.000.000 đồng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 01, khoản 02 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T theo như đề nghị Viện kiểm sát huyện.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộ Đức và Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đã thực hiện là đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra, truy tố cơ quan tiến hành tố tụng đã tạo điều kiện cho bị cáo Nguyễn Ngọc T được quyền nhờ luật sư bào chữa và đã có thông báo người bào chữa cho bị can T. Khi tiến hành hỏi cung bị cáo T, cơ quan tiến hành tố tụng đã thông báo cho người bào chữa đến để tham gia hỏi cung đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Vũ L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu ở trên; Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở, chứng cứ xác định: Các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Ngọc T nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy để sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện để có tiền tiếp tục mua bán ma túy; đây là tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Đến ngày 18/7/2017, các bị cáo đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì bị Phòng PC47 Công an tỉnh Quảng Ngãi bắt quả tang. Tang vật thu giữ qua giám định có khối lượng 7,91 gam ma túy (Heroin) là tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015). Vào năm 2013, 2015 bị cáo T hai lần bị TAND tỉnh Quảng Ngãi xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; bị cáo L hai lần bị TAND thành

phố Quảng Ngãi và TAND tỉnh Quảng Ngãi xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, các bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

[3] Các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Vũ L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ việc mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng ở mức độ đồng phạm giản đơn. Các bị cáo vừa thực hiện với vai trò là người gợi xướng, rủ rê, vừa là người thực hành tích cực trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo T, ngoài ma túy thu giữ khi bắt quả tang, còn thu giữ trong người và tại nhà bị cáo ma túy có khối lượng 0,14 gam. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, điểm h, điểm p khoản 02 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội và đúng khung hình phạt.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cần áp dụng điểm p khoản 01 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Ngọc T có tác động gia đình nộp số tiền thu lợi bất chính 9.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Vũ L có tác động gia đình nộp số tiền thu lợi bất chính 7.000.000 đồng và bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại địa phương vào năm 2008 nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 02 Điều 46 Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

[4] Xét về nhân thân của các bị cáo: Vào năm 2013 và năm 2015, các bị cáo đều bị TAND thành phố Quảng Ngãi và TAND tỉnh Quảng Ngãi hai lần xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, nhưng các bị cáo lại không lấy đó làm bài học để răn dạy mình để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý là tái phạm nguy hiểm, nên cần xét xử các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; đồng thời phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Do các bị cáo chưa có vợ con, còn ở chung với gia đình chưa có tài sản riêng mà là người nghiện ma túy, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đối tượng tên Nguyễn Thị Kiều O ở thành phố HCM bán ma túy cho các bị cáo nhưng quá trình điều tra, chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng Oanh nên chưa thể xử lý trong cùng vụ án mà sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau.

[7] Các đối tượng: Nguyễn Văn D2, Nguyễn Đức T2, Lê Đức Văn T, Bùi Tấn K (C), Nguyễn Hoàng C, Nguyễn Thanh T; các bị cáo và đối tượng đã khai nhận có mua ma túy. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộ Đức đang lập hồ sơ theo dõi, xử lý sau. Nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] 01 bì bằng giấy dán kín của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi gửi Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi, phía sau có dòng chữ “Mẫu vật hoàn trả sau giám định”, có 03 dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, các vật chứng trên là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. 01 hộp cactoong trên hộp có ghi dòng chữ “chị T, bưu điện MĐ, QN 01629725183”; 01 miếng cactoong được xếp thành hình vuông dùng để dán số ma túy khi thu giữ; 01 lưỡi dao lam đã qua sử dụng; 01 ống nước cất pha tiêm 0,5 ml chưa sử dụng; 01 đoạn ống hút nước màu trắng dài khoảng 5 cm; các vật chứng trên là vật cấm lưu hành và được sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8.2] 04 điện thoại di động, trong đó: 02 điện thoại di động của Nguyễn Vũ L (01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, model: 1202, Type : RH-112, imei: 358957/01/256920/7, 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh model: A122, , imei1: 355000115154107), 02 điện thoại di động của Nguyễn Ngọc T (01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen model: A1428, imei: 013333000881037, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen model: A1202-2, Type: RH-112, imei: 358015/03/577295/9, các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8.3] 01 xe mô tô hiệu Vision biển số 76B1-29809 màu đen do bị cáo Nguyễn Ngọc T đứng tên chủ sở hữu, bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

[8.4] Số tiền 1.600.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T chưa có căn cứ chứng minh bị cáo sử dụng số tiền này vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8.5] Tịch thu đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền 9.000.000 đồng, đối với bị cáo Nguyễn Vũ L số tiền 9.900.000 đồng do các bị cáo bán ma túy mà có.

[9] Bị cáo Nguyễn Ngọc T có viết giấy mượn số tiền 20.000.000 đồng của anh Phạm Thanh N và cầm cố cho anh Phạm Thanh N xe mô tô 76B1-298.09 màu đen của bị cáo T để lấy tiền tiêu xài, sau đó bị cáo thuê lại xe mô tô để mua bán trái phép chất ma túy, nay xe mô tô 76B1-298.09 là phương tiện phạm tội bị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; anh N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T thấy rằng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Vũ L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; bị cáo T còn phải chịu 1000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các điểm b, h, p khoản 02 Điều 194; điểm p khoản 01, khoản 02 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 (tám) năm tù, Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/7/2017 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Ngọc T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

2. Căn cứ vào các điểm b, h, p khoản 02 Điều 194; điểm p khoản 01, khoản 02 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/7/2017 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Vũ L để đảm bảo cho việc thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên:

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì bằng giấy dán kín của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi gửi Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi, phía sau có dòng chữ “ Mẫu vật hoàn trả sau giám định”, có 03 dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi.

+ 01 hộp cactoong trên hộp có ghi dòng chữ “chị T, Bưu điện MĐ, QN 01629725183”; 01 miếng cactoong được xếp thành hình vuông dùng để dán số ma túy khi thu giữ; 01 lưỡi dao lam đã qua sử dụng; 01 ống nước cất pha tiêm 0,5 ml chưa sử dụng; 01 đoạn ống hút nước màu trắng dài khoảng 05 cm.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 04 điện thoại di động, trong đó: 02 điện thoại di động của Nguyễn Vũ L (01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, model: 1202, Type : RH-112, imei: 358957/01/256920/7, 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh model: A122, , imei1: 355000115154107), 02 điện thoại di động của Nguyễn Ngọc T (01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen model: A1428, imei: 013333000881037, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen model: A1202-2, Type: RH-112, imei: 358015/03/577295/9).

+ 01 xe mô tô hiệu VISION biển số 76B1-298.09 màu đen do bị cáo Nguyễn Ngọc T đứng tên chủ sở hữu;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền 1.600.000 tiền Việt Nam đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng nêu trên theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/03/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Mộ Đức và Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

Tịch thu đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền 9.000.000 đồng. Tịch thu đối với bị cáo Nguyễn Vũ L số tiền 9.900.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền ông Phạm Văn D đã nộp thay cho Nguyễn Vũ L là 3.600.000 đồng theo biên lai thu số 00858, ngày 06/01/2018 và số tiền 3.400.000 đồng biên lai thu số 00859, ngày 08/02/2018; tiếp tục tạm giữ số tiền ông Nguyễn Đức T1 đã nộp thay cho Nguyễn Ngọc T là 9.000.000 đồng theo biên lai thu số 00861, ngày 01/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức để đảm bảo thi hành án.

4. Về tránh nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 42 Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả cho anh Phạm Thanh N số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Vũ L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T phải chịu 1000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi người vắng mặt cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Công an huyện Mộ Đức;
- Cơ quan THAHS CA huyện Mộ Đức;
- Chi cục THA DS huyện Mộ Đức;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Bùi Duy Nam

